

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **136/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/8/2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Tiến Dũng, bà Tống Thị Điệp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 510/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày **17 tháng 7 năm 2023**, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim D, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Số 321 đường K, thôn 3, xã C, thành phố B, tỉnh Đ.

Địa chỉ liên hệ: Số 38/10 đường A10, thôn 1, , xã C, thành phố B, tỉnh Đ.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức H, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Số 321 đường K, thôn 3, xã C, thành phố B, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày như sau:**

Bà Trần Thị Kim D (nguyên đơn) và ông Nguyễn Đức H (bị đơn) chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 11/6/2001 tại UBND xã C, thành phố B, tỉnh Đ trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại thôn 3, xã C, thành phố B, tỉnh Đ. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, bị đơn uống rượu say thường hay đánh đập nguyên đơn, đập phá tài sản trong nhà, vì vậy vợ chồng đã

sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Đức H; sinh ngày 09/9/2001; Nguyễn Thị Diễm Ng, sinh ngày 14/5/2004; Nguyễn Việt Kh, sinh ngày 05/7/2007; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày: 14/01/2014. Hiện con chung tên H, Ng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung tên Nguyễn Việt Kh, Nguyễn Ngọc H chưa đủ tuổi trưởng thành, nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải như sau:**

Bị đơn và nguyên đơn chung sống và đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình chung sống ông bà có đôi lúc phát sinh một số mâu thuẫn, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2001 nhưng sau đó thì tự hàn gắn và tiếp tục chung sống. Năm 2022 ông bà có cãi nhau rồi nguyên đơn bỏ nhà đi và ly thân tới nay. Đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bị đơn không đồng ý. Vì bản thân còn yêu thương và muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với nguyên đơn.

Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Đức H; sinh ngày 09/9/2001; Nguyễn Thị Diễm Ng, sinh ngày 14/5/2004; Nguyễn Việt Kh, sinh ngày 05/7/2007; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày: 14/01/2014. Hiện tại Nguyễn Đức H, Nguyễn Thị Diễm Ng đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Việt Kh, Nguyễn Ngọc H nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì bị đơn đồng ý giao cả hai con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Nguyên đơn và bị đơn qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/6/2001 tại xã Ủy ban nhân dân xã C, thành phố B, tỉnh Đ là đúng quy định.

Theo nguyên đơn trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, bị đơn uống rượu say thường hay đánh đập nguyên đơn, đập phá tài sản trong nhà nên nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cũng thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có xảy ra mâu thuẫn nhưng sau đó thì hai vợ chồng tự hàn gắn hiện tại bị đơn vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nên không đồng ý ly hôn để tiếp tục chung sống.

HĐXX nhận thấy bị đơn cho rằng vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nhưng không tự hoà giải cũng như thể hiện thiện chí đoàn tụ mà vẫn duy trì sống ly thân cho đến nay, vì vậy xét thấy tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4.2] Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Đức H; sinh ngày 09/9/2001; Nguyễn Thị Diễm Ng, sinh ngày 14/5/2004; Nguyễn Việt Kh, sinh ngày 05/7/2007; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 14/01/2014. Hiện con chung tên Nguyễn Đức H, Nguyễn Thị Diễm Ng đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung tên Nguyễn Việt Kh, Nguyễn Ngọc H (hiện đang ở với bị đơn). Nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành được bị đơn đồng ý, cũng như cháu H, cháu Kh có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cho sự phát triển của con chưa thành niên cũng như xét ý kiến của trẻ từ 7 tuổi đến dưới 18 tuổi nên cần giao con chung tên Nguyễn Việt Kh; Nguyễn Ngọc H cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp. Bị đơn được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4.3] Về cấp dưỡng: Xét nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[4.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Trần Thị Kim D được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Việt Kh, sinh ngày 05/7/2007; Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 14/01/2014 cho bà Trần Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Đức H được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số: AA/2022/0002694 ngày 05/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH